MIA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
PHÒNG ĐÀO TẠO

Số: 39 /ĐHBK-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2017

THÔNG BÁO

V/v Xét cấp học bổng học kỳ 1 (2016-2017)

- Căn cứ thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 quy định học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh -sinh viên;
- Căn cứ vào dự toán thu chi ngân sách nhà nước 2016 của Trường Đại học Bách Khoa do P.Kế hoạch -Tài Chính lập khoản mục 14;
- Căn cứ vào công văn số 52/ĐHBK-CTCT-SV ngày 10/4/2015 v/v mức học bổng khuyến khích mới áp dụng HK152;
  - Quĩ học bổng học kỳ 1 (2016-2017) là 5.820.000.000 đồng ;
  - Căn cứ vào số lượng sinh viên được cấp ngân sách nhà nước;
  - Căn cứ vào điểm trung bình học tập học kỳ 1 (2016-2017) và điểm rèn luyện, không tính điểm học dự thính của sinh viên các khóa 2012, 2013, 2014, 2015, 2016 và hệ cao đẳng.
- Căn cứ Điều 14 Học bổng của Qui chế học vụ QĐ số : 445/99 BKĐT ngày 13/04/1999;

Trường Đại học Bách Khoa phân chia học bổng khuyến khích sinh viên theo bảng phân phối đính kèm theo và danh sách sinh viên dự kiến cấp học bổng học kỳ 1 (2016-2017)

- Đối với sinh viên chương trình Việt - Pháp cấp học bổng khuyến khích theo công văn số: 52/ĐHBK-CTCT-SV ngày 10/4/2015
- Phòng Đào tạo nhận đơn phản ảnh của sinh viên từ ngày : **24/5/2017 đến 30/5/2017**
- Lịch cấp học bổng do Phòng Kế hoạch - Tài chính thông báo cụ thể cho sinh viên.

Lưu ý :

- Tất cả các môn học trong học kỳ chính đều đạt: điểm tổng kết ≥ 5,0 (không tính điểm thi lần 2 nếu có); Điểm hoãn thi (HT) và vắng thi có phép (VP) được tính là chưa đạt; Không tính điểm học kỳ dự thính.

Sinh viên đăng ký theo học, dự thi và tích lũy được số tín chỉ lớn hơn hoặc bằng 90% tổng số tín chỉ theo kế hoạch trong chương trình đào tạo của Khóa – ngành.

- Sinh viên có kết quả :
  + Điểm TBCMR ≥ 7,0 hệ 10 chỉ là ***điều kiện cần*** để xét học bổng.
  + Các sinh viên diện chính sách xã hội chỉ được hưởng học bổng khuyến khích theo qui định trong TT 53, 54 liên bộ.

Đề nghị các Khoa thông báo cho sinh viên được biết./.

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Ths. Lương Đình Thành:

Nơi nhận:
- Các Khoa, Thông báo
- Phòng KH-TC, Phòng CT-CT
- Lưu PĐT(VT, T.Thành)

Scanned by CamScanner

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I (2016 -2017)

theo QĐ số : /QĐ-ĐHBK-ĐT, ngày / /2017

KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2012 - Kỹ thuật môi trường										
1	91201290	Ngô Lê Tài	Hồng	270294	MO12KMT2	100.00	9.50	10	151	9.60	6,120,000
2	91202724	Nguyễn Hoàng	Phong	040794	MO12KMT2	100.00	9.35	10	151	9.48	6,120,000
3	91204422	Lê Nguyễn Cát	Tường	230894	MO12KMT1	100.00	9.25	10	151	9.40	6,120,000
4	91204445	Nguyễn Thảo	Uyên	200494	MO12KMT1	100.00	9.20	10	151	9.36	6,120,000
											24,480,000

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2012 - QL & CN môi trường										
1	91203775	Vũ Thị	Thương	060294	MO12QLMT	95.00	10.00	10	154	9.90	6,120,000
2	91203398	Nguyễn Danh	Thành	060194	MO12QLMT	97.00	9.60	10	152	9.62	6,120,000
											12,240,000

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2013 - Kỹ thuật môi trường										
1	91304235	Nguyễn Thị Thùy	Trang	200595	MO13KMT2	95.00	8.64	11	132	8.81	5,100,000
2	91304946	Hồ Trúc Hạnh	Vy	180895	MO13KMT2	95.00	8.63	15	130	8.80	5,100,000
3	91304297	Đặng Thị Bảo	Trầm	200295	MO13KMT2	88.00	8.77	13	132	8.78	5,100,000
4	91304035	Võ Thị Thanh	Thùy	250895	MO13KMT1	100.00	8.44	17	132	8.75	5,100,000
5	91300980	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	180995	MO13KMT1	93.00	8.32	11	132	8.52	5,100,000
6	91301674	Lê Thị	Hương	200994	MO13KMT1	93.00	8.32	11	132	8.52	5,100,000
7	91301973	Lìu Sì	Kín	010695	MO13KMT1	88.00	8.45	11	130	8.52	5,100,000
											35,700,000

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2013 - QL & CN môi trường										
1	91304020	Võ Ngọc Phương	Thùy	131195	MO13QLMT	100.00	9.43	14	152	9.54	6,120,000
2	91304089	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	121295	MO13QLMT	100.00	9.08	13	134	9.26	6,120,000
3	91304088	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	190695	MO13QLMT	100.00	8.85	13	134	9.08	6,120,000
											18,360,000

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2014 - Kỹ thuật môi trường										
1	1414116	Trần Đoan	Trang	010996	MO14KMT2	100.00	8.62	21	103	8.90	5,100,000
2	1410389	Ngô Văn	Chỉnh	010696	MO14KMT1	100.00	8.38	17	91	8.70	5,100,000
3	1412191	Nguyễn Tấn	Luật	290196	MO14KMT1	100.00	8.38	16	97	8.70	5,100,000
4	1412041	Phạm Hoàng Khánh	Linh	010596	MO14KMT1	90.00	8.56	16	95	8.65	5,100,000
5	1410316	Lương Thị Xuân	Cang	120796	MO14KMT1	95.00	8.34	16	91	8.57	5,100,000
6	1413602	Đặng Thị Bích	Thảo	121095	MO14KMT2	88.00	8.44	16	92	8.51	5,100,000
7	1412982	Trịnh Hoàng	Phúc	120996	MO14KMT2	100.00	8.11	19	99	8.49	5,100,000
											35,700,000

Scanned by CamScanner

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2014 - QL & CN môi trường										
1	1412755	Huỳnh Thị Cẩm	Như	090795	MO14QLM2	92.00	9.44	16	95	9.39	6,120,000
2	1413385	Nguyễn Văn	Tài	170396	MO14QLM2	100.00	8.94	16	89	9.15	6,120,000
3	1414114	Phạm Thùy	Trang	130996	MO14QLM2	94.00	8.88	16	91	8.98	5,100,000
4	1414844	Trần Thị	Yến	040196	MO14QLM1	100.00	8.72	18	92	8.98	5,100,000
											22,440,000

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2015 - Kỹ thuật môi trường										
1	1510969	Nguyễn Thị Phương	Hằng	190497	MO15KMT1	90.00	8.47	17	56	8.58	5,100,000
2	1510398	Lê Quang	Danh	231197	MO15KMT1	90.00	8.32	19	58	8.46	5,100,000
3	1510432	Tạ Phương	Dung	291297	MO15KMT1	90.00	8.31	16	54	8.45	5,100,000
4	1510537	Trần Phúc Hạnh	Duyên	121297	MO15KMT1	87.00	8.35	20	57	8.42	5,100,000
5	1512675	Hoàng Minh	Quân	061297	MO15KMT2	87.00	8.34	16	56	8.41	5,100,000
6	1511725	Phan Thị Hồng	Liên	170397	MO15KMT1	87.00	8.26	17	56	8.35	5,100,000
7	1511742	Huỳnh Gia	Linh	090297	MO15KMT1	87.00	8.16	19	59	8.27	5,100,000
											35,700,000

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2015 - QL & CN môi trường										
1	1512564	Nguyễn Thị Thanh	Phụng	010997	MO15QLM	75.00	7.94	18	57	7.85	4,080,000
2	1510883	Trần Thị Ngọc	Hà	100597	MO15QLM	90.00	7.38	20	53	7.70	4,080,000
3	1513595	Lý Ngọc	Trâm	191097	MO15QLM	95.00	7.25	18	54	7.70	4,080,000
4	1511658	Nguyễn Anh	Kiệt	021296	MO15QLM	92.00	7.22	18	53	7.62	4,080,000
											16,320,000

Stt	Masv	Họ và Tên SV		Ngày sinh	Tên lớp	ĐRL	đtbhk	tchk(s)	TCTL	đtbcmr	Mức HB
	KHÓA 2016 -										
1	1611104	Nguyễn Khắc Long	Hiệp	240298	MO1602		7.83	18	22	7.83	4,080,000
2	1611537	Bùi Vân	Khánh	260897	MO1602		7.38	20	20	7.38	4,080,000
3	1614041	Đoàn Hương Phượng	Uyên	230698	MO1602		7.11	18	18	7.11	4,080,000
											12,240,000

Scanned by CamScanner